

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10-22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT

Tầng 4 Tòa nhà The Sun, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì

Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500268915, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

Tầng 4 Tòa nhà The Sun, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Mạnh Cường	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thom	Trưởng ban
Bà Phạm Lê Nhật Hạ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hà	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

Đại diện theo pháp luật

Bà Đỗ Thị Hà	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hà

Số: 307/2025/BCKT-TC/AVA.NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật, được lập ngày 24/03/2025, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0373-2023-126-1
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Chúc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
3278-2025-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.312.834.420	5.201.140.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	211.085.793	835.350.945
1. Tiền	111		211.085.793	335.350.945
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.101.748.627	4.360.144.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.160.639.027	58.890.400
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	2.580.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	612.711.328	2.755.516.807
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(671.601.728)	(1.034.262.769)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	5.645.607
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.645.607
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.000.000.000	33.000.000.000
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
- Nguyên giá	222		686.305.089	1.126.933.634
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(686.305.089)	(1.126.933.634)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	33.000.000.000	33.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.000.000.000	33.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		43.312.834.420	38.201.140.990

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.362.648.105	17.126.930.057
I. Nợ ngắn hạn	310		23.362.648.105	17.126.930.057
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	19.914.417.125	9.942.312.761
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	168.337.600	168.337.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	15.592.166	8.013.174
4. Phải trả người lao động	314		187.101.096	176.559.281
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	177.200.118	131.707.241
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	2.900.000.000	6.700.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.950.186.315	21.074.210.933
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	19.950.186.315	21.074.210.933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		84.893.000.000	84.893.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.893.000.000	84.893.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.927.000.000	28.927.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		257.709.541	257.709.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(94.127.523.226)	(93.003.498.608)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(93.003.498.608)	(93.307.826.564)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.124.024.618)	304.327.956
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		43.312.834.420	38.201.140.990

Người lập biểu

Nguyễn Ngân Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngân Giang

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hà

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.277.062.497	17.404.019.659
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.277.062.497	17.404.019.659
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.158.002.076	17.260.230.389
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		119.060.421	143.789.270
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	207.472.898	1.883.917.447
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	614.293.151	4.405.479
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		614.293.151	4.405.479
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.400.000	4.950.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	892.904.933	1.712.788.995
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.183.064.765)	305.562.243
10. Thu nhập khác	31		59.090.909	789.656
11. Chi phí khác	32		50.762	2.023.943
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		59.040.147	(1.234.287)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.124.024.618)	304.327.956
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.124.024.618)	304.327.956
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(132)	36

Người lập biểu

Nguyễn Ngân Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngân Giang

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		-	42.235.790.824
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02		(91.793.584)	(61.624.530.542)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(968.549.571)	(981.405.117)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(583.660.274)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			1.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(175.540.100)	(295.839.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.819.543.529)	(20.664.984.514)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		65.000.000	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.580.000.000	13.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.350.278.377	27.987.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.995.278.377	13.027.987.584
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.100.000.000	6.700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.900.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.800.000.000)	6.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(624.265.152)	(936.996.930)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		835.350.945	1.772.347.875
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		211.085.793	835.350.945

Người lập biểu

Nguyễn Ngân Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngân Giang

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500268915, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 Tòa nhà The Sun, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 84.893.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất dây cáp, cáp sợi quang học;
Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
Sản xuất thiết bị điện khác;
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
Xây dựng nhà không để ở;
Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
Sản xuất thiết bị truyền thông;
Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
Sản xuất sản phẩm từ plastic;
Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
In ấn;
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Vận tải hành khách đường bộ khác;
Sửa chữa máy móc, thiết bị;
Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
Sửa chữa thiết bị điện;
Hoạt động tư vấn đầu tư;
Hoạt động tư vấn quản lý;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp**Tổng số cán bộ nhân viên**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 03 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2024, có 03 cán bộ nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm
- Quyền sử dụng đất	31 năm
- Chi phí giải phóng mặt bằng	31 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền từ hoạt động cho thuê quảng cáo;

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

13.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	-	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	211.085.793	335.350.945
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
	211.085.793	835.350.945

2. Đầu tư tài chính

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Vinastartup Vĩnh Phúc (*)	33.000.000.000	-	33.000.000.000	-
	33.000.000.000	-	33.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

- (*) Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 18,80% tương ứng 4.203.564 cổ phiếu.
 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Shine Capital	10.101.748.627	-
Khách hàng khác	58.890.400	58.890.400
	10.160.639.027	58.890.400
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	58.890.400	58.890.400

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các bên khác				
Nguyễn Văn Hùng	-	-	2.580.000.000	-
	-	-	2.580.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT

Tầng 4 Tòa nhà The Sun, đường Mỹ Trì, P. Mỹ Trì

Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các bên khác				
Phải thu cổ tức 2008	435.931.328	435.931.328	435.931.328	435.931.328
Phải thu thù lao HĐQT	176.780.000	176.780.000	176.780.000	176.780.000
Lãi dự thu ông Nguyễn Văn Hùng	-	-	2.142.805.479	-
	612.711.328	612.711.328	2.755.516.807	612.711.328

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2024	1.126.933.634	-	1.126.933.634
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	440.628.545		440.628.545
Giảm khác			-
Số dư 31/12/2024	686.305.089	-	686.305.089
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2024	1.126.933.634	-	1.126.933.634
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	440.628.545		440.628.545
Giảm khác			-
Số dư 31/12/2024	686.305.089	-	686.305.089
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 686.305.089 đồng

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	01/01/2024
Các bên khác		
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	9.972.104.365	-
Công ty Cổ phần Măng Gan Chiến Thắng	9.056.971.000	9.056.971.000
Khách hàng khác	885.341.760	885.341.761
	19.914.417.125	9.942.312.761

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Các bên khác		
Công ty Tư vấn Xây dựng và Hạ tầng H&T	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Utech Việt Nam	18.337.600	18.337.600
	168.337.600	168.337.600

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	31/12/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2024
Thuế giá trị gia tăng	6.857.829	6.857.829		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.734.337	69.270.492	68.549.329	8.013.174
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	15.592.166	79.128.321	71.549.329	8.013.174

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Phải trả ngắn hạn khác

Các bên khác

Công ty Cổ phần Cáp và thiết bị viễn thông
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp
Nguyễn Văn Hùng
Phải trả phải nộp khác

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Cáp và thiết bị viễn thông	80.172.730	80.172.730
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	10.360.000	-
Nguyễn Văn Hùng	82.167.388	47.129.032
Phải trả phải nộp khác	4.500.000	4.405.479
	177.200.118	131.707.241

11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024	Tăng	Giá trị và số có khả năng trả nợ Giảm	01/01/2024
Tổ chức, cá nhân				
Công ty CP Vinastartup Vĩnh Phúc	-	200.000.000	6.900.000.000	6.700.000.000
Nguyễn Văn Hùng	2.900.000.000	2.900.000.000	-	-
	2.900.000.000	3.100.000.000	6.900.000.000	6.700.000.000

Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2024

Hợp đồng vay số: 1211/2024/HDV/Mr.NVH-VNC ngày 12/11/2024; vay tín chấp số tiền: 2.900.000.000 đồng; mục đích

vay: bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay cố định là: 9%/năm.

12. Vốn chủ sở hữu

12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT

Tầng 4 Tòa nhà The Sun, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì

Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
BANGKOK CABLE COMPANY LIMITED (BCC)	23.000.000.000	27,09%	23.000.000.000	27,09%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	-	0,00%	53.350.250.000	62,84%
Công ty TNHH FSI Holdings	54.534.750.000	64,24%	-	0,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	7.358.250.000	8,67%	8.542.750.000	10,06%
	84.893.000.000	100,00%	84.893.000.000	100,00%

12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp đầu kỳ

Vốn góp cuối kỳ

Năm 2024

Năm 2023

84.893.000.000

84.893.000.000

84.893.000.000

84.893.000.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2024

Năm 2023

Doanh thu bán hàng hóa

9.277.062.497

17.404.019.659

9.277.062.497**17.404.019.659****2. Giá vốn hàng bán**

Năm 2024

Năm 2023

Giá vốn hàng hóa

9.158.002.076

17.260.230.389

9.158.002.076**17.260.230.389****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Năm 2024

Năm 2023

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

207.472.898

1.883.917.447

207.472.898**1.883.917.447****4. Chi phí tài chính**

Năm 2024

Năm 2023

Lãi tiền vay

614.293.151

4.405.479

614.293.151**4.405.479**

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng khác	2.400.000	4.950.000
	2.400.000	4.950.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.150.241.878	1.181.715.602
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	21.279.949
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	3.613.800	9.345.913
Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(362.661.041)	362.661.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.854.778	73.169.750
Chi phí bằng tiền khác	36.855.518	64.616.740
	892.904.933	1.712.788.995

6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	1.150.241.878	1.181.715.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.254.778	78.119.750
Chi phí khác bằng tiền	40.469.318	95.242.602
	1.257.965.974	1.355.077.954

VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hoàng Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT
Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thị Thơm	Trưởng ban kiểm soát
Phạm Lê Nhật Hạ	Thành viên ban kiểm soát
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên ban kiểm soát
Nguyễn Ngân Giang	Kế toán trưởng
Công ty TNHH FSI Holdings	Công ty mẹ

2.2. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

2.3. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau**Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng****Năm 2024****Năm 2023**

Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

1.047.437.746

1.039.961.934

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc**Nguyễn Ngân Giang****Nguyễn Ngân Giang****Đỗ Thị Hà**

Phụ lục số 01

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2023	84.893.000.000	28.927.000.000	257.709.541	(93.307.826.564)	20.769.882.977
Lãi/(lỗ) trong kỳ				304.327.956	304.327.956
Giảm khác					-
Số dư 31/12/2023	84.893.000.000	28.927.000.000	257.709.541	(93.003.498.608)	21.074.210.933
Số dư 01/01/2024	84.893.000.000	28.927.000.000	257.709.541	(93.003.498.608)	21.074.210.933
Lãi/(lỗ) trong kỳ				(1.124.024.618)	(1.124.024.618)
Số dư 31/12/2024	84.893.000.000	28.927.000.000	257.709.541	(94.127.523.226)	19.950.186.315

